

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGŨ NGHĨA VÀ CÁCH SỬ DỤNG TỔ HỢP TIỂU TỪ TÌNH THÁI CUỐI PHÁT NGÔN

TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NAM BỘ

NGUYỄN MAI PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Rút ngẫu nhiên 2.000, từ hơn 5.500 phiếu điều tra các cuộc thoại của người Nam Bộ dùng tiểu từ tình thái cuối phát ngôn, bài viết nêu kết quả khảo sát về số lượng, lượt dùng các tổ hợp tiểu từ tình thái; phân tích, miêu tả chỉ ra những đặc điểm chủ yếu về ngữ nghĩa và bối cảnh sử dụng loại đơn vị này trong phương ngữ Nam Bộ. Từ đó, bài viết rút ra một số nét sắc thái văn hóa - ngôn ngữ đặc trưng thể hiện qua giao tiếp của người Nam Bộ.

TỪ KHÓA: Tiểu từ tình thái; tổ hợp; toàn dân; phương ngữ; ý nghĩa.

NHẬN BÀI: 11/7/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2020

1. Dẫn nhập

Toán từ tình thái nói chung và tiểu từ tình thái (TTTT) cuối phát ngôn nói riêng, ngoài chức năng biểu hiện ý nghĩa tình thái (YNTT), chúng còn là phương tiện biểu thị các mối quan hệ vai giao tiếp. Mỗi vùng phương ngữ, ngoài việc dùng các phương tiện tình thái toàn dân, còn có những yếu tố tình thái (YTTT) phương ngữ. Các YTTT cuối phát ngôn trong phương ngữ Nam Bộ (PNNB) rất phong phú và chúng là một trong những nhân tố tạo nên sắc thái đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa Nam Bộ. Cho đến nay, TTTT trong PNNB bước đầu đã được một số tác giả quan tâm nghiên cứu. Trong luận văn cao học, Lê Xinh Tuom [9] đã khảo sát những TTTT dùng phổ biến trong PNNB và có những nhận xét khái quát về nó. Các nghiên cứu của Trịnh Cẩm Lan [5], Hồ Kiều Oanh [7], Nguyễn Văn Thuận [8] đi vào xét một số YTTT trong câu. Nhìn chung TTTT cuối phát ngôn trong PNNB chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và cụ thể theo phát ngôn.

Xét về phương diện biểu hiện, trên các vùng miền, tiếng Việt có hệ thống TTTT đa dạng, phong phú. Ngoài các TTTT toàn dân, mỗi vùng phương ngữ còn dùng các TTTT địa phương, điều đó không những cho thấy tính đa dạng phong phú của YNTT trong tiếng Việt mà còn thể hiện sắc thái ngôn ngữ - văn hóa vùng miền. Cho nên, tìm hiểu TTTT tiếng Việt, ngoài nghiên cứu TTTT toàn dân, còn cần tìm hiểu ý nghĩa, cách dùng TTTT phương ngữ, điều này cần thiết không chỉ về ngôn ngữ mà còn cả mặt văn hóa, xã hội.

Là yếu tố mang chức năng ngữ nghĩa và chức năng dụng học nên khi TTTT được dùng trong giao tiếp thì đó là một trong các nhân tố thể hiện thói quen sử dụng, ý thức xã hội về giới, địa vị, tuổi tác, bối cảnh (gia đình hay xã hội)... của người giao tiếp từng vùng. TTTT xuất hiện cuối phát ngôn có thể là dạng đơn (một yếu tố), có thể là dạng phức - tổ hợp (hai hoặc nhiều yếu tố). Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi miêu tả một cách khái quát nhất hiện tượng các tổ hợp TTTT trong PNNB mà phần lớn các công trình trước đây nghiên cứu về TTTT vùng phương ngữ này chưa đề cập đến. Mục đích của bài viết là góp phần chỉ ra những đặc điểm chủ yếu về ngữ nghĩa, bối cảnh sử dụng và khả năng kết hợp của các YTTT cuối phát ngôn, cũng như cho thấy một số nét đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa Nam Bộ, tính đa dạng, phong phú của các YTTT trong phương ngữ Nam Bộ.

2. Đặc điểm sử dụng và ngữ nghĩa của tổ hợp TTTT được dùng cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ

2.1. Sơ lược bức tranh chung về tổ hợp TTTT cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ

Tổ hợp TTTT cuối phát ngôn là hiện tượng các TTTT cuối câu (phát ngôn) kết hợp với nhau tạo thành các tổ hợp TTTT gồm hai hoặc hơn hai thành tố.

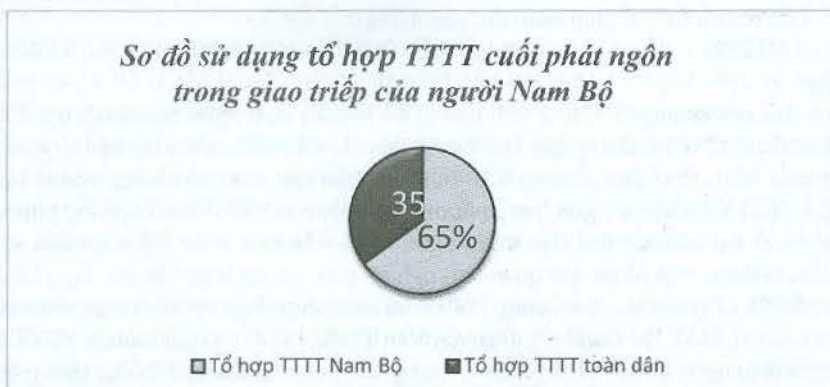
Từ hơn 5.500 phiếu điều tra điền dã các cuộc thoại của người Nam Bộ dùng TTTT cuối phát ngôn, ở TP Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre, Cà Mau, An Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp và huyện Trần Đề - Sóc Trăng, chúng tôi đã rút ngẫu nhiên 2.000 phiếu để khảo sát riêng TTTT kết

* ThS-NCS; Trường Đại học Vinh; Email: nguyennaiphuong3399@gmail.com

hợp. Kết quả: có 978/2.000 (49%) cuộc thoại có dùng tổ hợp TTTT. Như vậy, có thể thấy hiện tượng dùng tổ hợp TTTT cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ rất phổ biến.

Như đã biết, khác TTTT đơn, các TTTT kết hợp, do mỗi thành tố trong TTTT kết hợp có nét sắc thái nghĩa riêng, hướng tác động cũng khác nhau, về lời miêu tả hoặc về người nghe. Vì thế, khi chúng kết hợp sẽ bổ sung nghĩa cho nhau. Tâm tác động ngữ nghĩa của TTTT phối kết đối với nội dung mệnh đề và với đối tượng giao tiếp so với TTTT đơn thường là đa diện và mạnh mẽ hơn (xin xem [3; tr.179-183]). Vì vậy, qua kết quả khảo sát nêu trên, cũng có thể thấy được rằng người Nam Bộ rất ưa dùng TTTT kết hợp cuối phát ngôn; điều đó làm cho giao tiếp của người Nam Bộ mang sắc thái biểu cảm rất đậm đà.

Tiếp tục phân loại tổ hợp TTTT thành hai loại, TTTT toàn dân và TTTT phương ngữ, chúng tôi tổng hợp được mức độ sử dụng tổ hợp TTTT toàn dân và tổ hợp TTTT phương ngữ cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ. Kết quả chung về bức tranh sử dụng hai loại tổ hợp TTTT toàn dân và phương ngữ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Nhìn vào sơ đồ, so sánh tỉ lệ dùng tổ hợp TTTT trong cộng đồng người Nam Bộ, kết quả cho thấy, người Nam Bộ dùng tổ hợp TTTT của ngôn ngữ toàn dân là 35% (342/978 lượt), số lượt dùng tổ hợp TTTT PNNB là 65% (636/978 lượt). Như vậy, chỉ xét 978 phiếu điền dã khách quan, trên bình diện chung nhất cũng đã cho thấy thói quen, lựa chọn, ưa dùng trong phát ngôn giao tiếp tự nhiên đối với TTTT. Người Nam Bộ vừa dùng tổ hợp TTTT ngôn ngữ toàn dân vừa dùng tổ hợp TTTT PNNB ở cuối phát ngôn nhưng tỉ lệ lượt dùng TTTT phương ngữ cao gần gấp đôi TTTT toàn dân. Nếu như TTTT được xem là một trong các phương tiện thể hiện rõ nhất đặc trưng sắc thái ngôn ngữ - văn hóa vùng miền thì đây là một trong các biểu hiện góp phần lí giải ấn tượng của chúng ta về chất Nam Bộ rất đậm và không trộn lẫn trong giao tiếp của cư dân vùng đất phương Nam mà mỗi khi chúng ta nghe hoặc tham gia hội thoại cùng người Nam Bộ.

2.2. Các tổ hợp TTTT toàn dân được sử dụng cuối phát ngôn

Trong tiếng Việt toàn dân, TTTT xuất hiện vừa ở dạng đơn (1 âm tiết) vừa ở dạng phức (đa âm tiết, trong đó chủ yếu là hai âm tiết). Ví dụ: *à, á, ạ, cơ, chắc, cho, chứ, đã, đây, đấy, đi, mà, nào, nhé, nhi, hà, thôi, vậy, với, ư...* (đơn âm); *đâu à, đây à, đấy à, kia à, cơ à; đâu ạ, đây ạ, đấy ạ, kia ạ, cơ ạ; đây ư, đấy ư, kia ư, thôi ư; đâu nhi, đây nhi, đấy nhi, kia nhi, chứ nhi, thôi nhi, thật nhi, thế nhi; đâu nhé, đây nhé, đấy nhé, kia nhé, thôi nhé, đã nhé, đi nhé, với nhé, vậy nhé, xem nhé; cơ mà, thôi mà, ấy mà, đi mà, đâu mà, đấy mà, kia mà, với mà; đấy hả, thôi hả, ấy hả, kia hả, đâu hả; đi nào, đâu nào, đã nào; đâu chẳng, đây chẳng, đấy chẳng, kia chẳng, vậy chẳng; đấy phỏng;...* (dạng phức).

Như liệt kê trên, một yếu tố TTTT có thể kết hợp với những yếu tố khác để tạo tổ hợp TTTT: *phỏng* có 1 kết hợp; *nào* có 3 kết hợp; *ư* có 4 kết hợp; *à, ạ, hà, chẳng* có 5 kết hợp; *nhi, mà* có 8 kết hợp; *nhé* có 10 kết hợp. Trong giao tiếp, người Nam Bộ cũng dùng một số TTTT kết hợp toàn dân. Sau đây là bảng miêu tả tổng hợp các tổ hợp TTTT toàn dân đã được dùng, cùng thông tin về lượt dùng, tỉ lệ %, ví dụ minh họa từ phiếu điều tra và nghĩa theo ngữ cảnh của chúng.

**Bảng 1. Hiện tượng dùng các tổ hợp TTTT toàn dân cuối phát ngôn
trong giao tiếp của người Nam Bộ**

TT	Kết hợp	Tần số	Tỉ lệ %	Ví dụ
1	chắc à	28	8,19	Tớ làm thử chứ chắc à.
2	cho mà	25	7,31	Nói vậy thôi, ngày mai tôi trả sách cho mà.
3	cơ mà	9	2,63	Cậu đã hứa với tôi cơ mà.
4	cơ đấy	8	2,34	Ồ, thì ra bác Thứ là người cùng làng cơ đấy.
5	đi mà	35	10,23	Nam cho mình mượn sách đó đi mà.
6	nào há	28	8,19	Thế chốt lại là rẽ đường nào há ?
7	thôi à	27	7,89	Đừng lo, từ từ nó cũng xong thôi à.
8	thôi mà	34	9,94	Ừ thì nhớ nhờ nhưng từ từ cũng quen thôi mà.
9	vậy đi	29	8,48	Mẹ đã nói lấy xe màu đỏ, vậy đi!
10	vậy há	25	7,31	Ừ, phải đi công công vậy há ?
11	vậy mà	34	9,94	Nó đem đồ cho có vậy mà.
12	vậy thôi	32	9,36	Tôi chỉ có mỗi đôi giày vậy thôi.
13	với nhé	28	8,19	Bác Nam nhớ kêu tôi tập thể dục với nhé!
Tổng cộng		342	100	

Kết quả thống kê ở bảng 1 cho thấy, có 13 tổ hợp TTTT toàn dân được người Nam Bộ sử dụng, với 342/978 lượt. Số lượt dùng và mức độ được sử dụng của các cặp TTTT kết hợp toàn dân là không như nhau. Cụ thể, số lượt dùng và tỉ lệ % của các kết hợp, sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp là: *đi mà* (35/10,23%); *thôi mà* (34/9,94%); *vậy mà* (34/9,94%); *vậy thôi* (32/9,36%); *vậy đi* (29/8,48%); *nào há* (28/8,19%); *với nhé* (28/8,19%); *vậy há* (25/7,31%); *thôi à* (27/7,89%); *chắc à* (28/ 2,86%); *cho mà* (25/2,56%); *cơ đấy* (8/2,34%); *cơ mà* (9/0,92%).

Như vậy, trong số 13 tổ hợp TTTT kết hợp này, dùng nhiều nhất là tổ hợp *đi mà* (35/10,23%), tiếp đến *vậy mà* (34/9,94%), *thôi mà* (34/9,94%), *vậy thôi* (32/9,36%); các tổ hợp ít được dùng là: *chắc à* (28/ 2,86%); *cho mà* (25/2,56%); *cơ đấy* (8/2,34%) và dùng ít nhất là *cơ mà* (9/ 0,92%).

Về phạm vi sử dụng, nếu so sánh theo bối cảnh sử dụng, điều khác biệt đặc biệt trong cách sử dụng 13 cặp TTTT kết hợp trên là, hầu như chúng chỉ được sử dụng trong công sở, trường học, cơ quan nhà nước, giữa những người là đồng nghiệp, có quan hệ quen biết, thân quen. Ngược lại, trong giao tiếp giữa các thành viên trong gia đình cũng như giữa những người bạn thân thiết, những người láng giềng thân tình ở vùng nông thôn, các tổ hợp TTTT toàn dân hầu như không được dùng.

Các cuộc giao tiếp ngoài xã hội, giữa những người cùng cơ quan, công sở, trường học, nhờ thói quen ưa dùng các TTTT toàn dân cuối phát ngôn như vậy cũng góp phần tạo nên không khí giao tiếp, trao đổi vừa lịch sự, cởi mở, lại vừa tình cảm, thân tình.

2.3. Các tổ hợp TTTT phương ngữ được sử dụng cuối phát ngôn

Qua kết quả điền dã, khảo sát giao tiếp của người Nam Bộ, như đã nói, ngoài các tổ hợp TTTT toàn dân còn có các tổ hợp TTTT phương ngữ Nam Bộ. Chúng tôi thấy, các TTTT phương ngữ vừa xuất hiện dạng đơn, vừa xuất hiện dạng kết hợp. Các TTTT phương ngữ Nam Bộ (dạng đơn cũng như dạng tổ hợp) là những TTTT được người Nam Bộ dùng một cách tự nhiên (quen thuộc) trong giao tiếp hàng ngày, có sự khác biệt nhất định (về âm, nghĩa, thói quen sử dụng) so với TTTT toàn dân. Trong phần này, chúng tôi xin chỉ nói về các tổ hợp TTTT phương ngữ dùng cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ.

Từ kết quả khảo sát 978 cuộc thoại mà người Nam Bộ đã dùng tổ hợp TTTT trong giao tiếp, ngoài 342 cuộc thoại có dùng 13 cặp tổ hợp TTTT toàn dân cuối phát ngôn, chúng tôi thu được 31 cặp tổ hợp TTTT phương ngữ xuất hiện trong 636 cuộc thoại. Các cặp TTTT kết hợp thuộc phương ngữ, tần số xuất hiện, tỉ lệ phần trăm so với các cặp kết hợp TTTT khác, ví dụ minh họa từ phiếu điều tra và nghĩa theo ngữ cảnh của từng cặp được chúng tôi tổng hợp, thể hiện qua bảng 2 sau:

Bảng 2. Hiện tượng dùng các tổ hợp TTTT phương ngữ cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ

TT	Kết hợp	Tần số	Tỉ lệ %	Ví dụ
1	à nha	17	2,67	Bà làm sao coi được à nha!

TT	Kết hợp	Tần số	Tỉ lệ %	Ví dụ
2	chi dây (vây)	19	2,99	Qua lạch nhỏ chi dây?
3	chớ (chứ) gì	19	2,99	Bữa đào nương dầm, nay qua tiếp tao một tay chớ (chứ) gì?
4	chớ sao	19	2,99	Xạ lủa phải rải cho đều chớ sao ?
5	đó hả	20	3,14	Cái mình cây Kèo Nèo nhỏ nhỏ hơn tai Tượng đó hả?
6	đó mà	22	3,46	Thím Tám hay thương người đó mà .
7	đó nha	19	2,99	Kiến leo lên bờ rồi, nước sắp lên đó nha .
8	hèn chi	22	3,46	Chú Năm Rô mua hai chiếc tác ráng luôn, hèn chi .
9	hông đây	26	4,09	Con Bảy nó đi bệnh viện hôm rày, hông biết có sao hông đây .
10	hông hà	21	3,3	Mận, mà có mua tám chiếu hông hà?
11	hông hà	29	4,56	Nó làm chuyện gì đầu hông hà .
12	hông nè	29	4,56	Mày thấy tao mặc bộ này đẹp hông nè?
13	hông ta	20	3,14	Hông biết bài tập này có làm hông ta?
14	nữa chứ	17	2,67	Đã bảo là hông thích mà Tia còn bắt ửng nữa chứ .
15	nữa đó	17	2,67	Không mần có mĩa nữa còn phải đi làm giấy tờ nữa đó .
16	nữa hả	18	2,83	Nước lại chững chững nữa hả?
17	nữa mà	20	3,14	Qua biển, queo phải là thấy đám rau Chột Chạy nữa mà .
18	rồi chắc	17	2,67	Ông lại đi hội chợ rồi chắc .
19	rồi đó	18	2,83	Đám bí ông Bảy sắp trở bóng rồi đó .
20	rồi hả	20	3,14	Bộ tui bây lật bóng có xong rồi hả ?
21	rồi mà	19	2,99	Dì Sáu đem thêm bao làm gì, con bỏ khoai vô hết rồi mà .
22	rồi nè	18	2,83	Nước ở ngoài xèo rặc xuống rồi nè .
22	rồi sao	16	2,52	Thằng Định đổ phân lán trên liếp rồi sao ?
23	sao giờ	18	2,83	Mưa ngập hết giồng mới sạ biết sao giờ .
24	sao rồi	18	2,83	Tình hình con Sáu sao rồi?
25	thôi nghen	22	3,46	Bom nước cỡ sắp sắp thôi nghen .
26	thôi nghe	21	3,3	Tụi con làm ba bài tập thôi nghe .
27	dây (vây) đó	14	2,2	Đó, nó chổng bốn cái ghé dây đó .
28	dây(vây) nữa	23	3,62	Sao lại lấy cây nhỏ xiu dây nữa?
29	dây (vây) luôn	22	3,46	Hai đũa nó đi chung kìa, dây luôn .
30	dây (vây) nghen	21	3,3	Ờ, tui nghĩa ba cái chậu bóng (đũa tay chi), dây nghen .
31	mèn ơi	21	3,3	Chị Ba đương long một tâm đềm này chắc tay quá, mèn ơi!
TỔNG CỘNG		636	100	

Qua bảng 2, chúng tôi thấy có ba dạng kết hợp TTTT phương ngữ:

Dạng thứ nhất: TTTT toàn dân kết hợp TTTT phương ngữ (*à nha, chi đây, ...*).

Dạng thứ hai: hai TTTT phương ngữ kết hợp với nhau (*hông nè, hông đây, hông hà, đây nghen...*).

Dạng thứ ba: hai TTTT toàn dân kết hợp với nhau (*đó mà, sao giờ, rồi đó, ...*). Đây là dạng TTTT kết hợp khá đặc biệt, bởi các yếu tố trong kết hợp đều là yếu tố toàn dân, nhưng với tư cách là một tổ hợp TTTT gồm hai yếu tố thì chúng chỉ xuất hiện cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ.

Việc kết hợp các TTTT toàn dân với nhau, hay với một TTTT phương ngữ, hoặc TTTT phương ngữ kết hợp với nhau như vậy cho thấy ý thức và thói quen của người sử dụng ngôn ngữ, khả năng tiếp nhận và sự lan tỏa phương ngữ vào ngôn ngữ toàn dân trong giao tiếp của người Nam Bộ. Điều đó cũng cho thấy tiếng Việt là thống nhất trong sự đa dạng.

So với tổ hợp TTTT toàn dân, khác biệt của tổ hợp TTTT phương ngữ không chỉ là số lượng phong phú hơn (gần gấp ba lần) mà còn là ở bối cảnh và đối tượng sử dụng. Nếu như tổ hợp TTTT toàn dân chủ yếu chỉ được dùng giữa các thành viên trong các cơ quan, công sở, trường học thì hầu như TTTT phương ngữ lại quen dùng trong gia đình, họ tộc và giữa bạn bè thân thiết với nhau.

Về mức độ sử dụng của các kết hợp TTTT phương ngữ, kết quả điều tra phân loại ở bảng trên cho thấy điểm khác biệt về mức độ sử dụng của các tổ hợp TTTT phương ngữ so với các tổ hợp TTTT toàn dân là: số lượt dùng - tỉ lệ lượt dùng của các tổ hợp TTTT phương ngữ tương đối đều nhau. Các kết hợp TTTT phương ngữ phân nhiều có tỉ lệ lượt dùng chiếm tỉ lệ sàn sàn nhau, trên/ dưới 3%; các kết hợp được sử dụng nhiều nhất cũng chỉ chiếm tỉ lệ hơn 4%, như: *hông hà, hông nè* (29/636 lượt, 4,56%), *hông đây* (26/636 lượt, 4,09%) và các kết hợp có tỉ lệ lượt dùng thấp nhất sau đây: *sao giờ, sao rồi* (18/636 lượt, 2,83%), *đây đó* (14/636 lượt, 2,2%), so với tỉ lệ bình quân lượt dùng, khác biệt cũng chẳng là bao. Điều đó cũng nói rằng, các kết hợp TTTT phương ngữ đều là những tổ hợp được dùng quen thuộc với người Nam Bộ.

Hoạt động giao tiếp hằng ngày giữa các thành viên trong gia đình và ngoài xã hội là quá trình tác động qua lại; để thu hút sự chú ý của người nghe, ngoài nội dung cần nói thì người nói còn phải biết nhấn mạnh ở những điểm đáng lưu ý. Một trong các cách đó là, người Nam Bộ hay dùng TTTT cuối phát ngôn, trong đó đặc biệt ưa dùng tổ hợp TTTT để làm thay đổi ngữ điệu câu nói, kéo dài, nhấn giọng hơn, thể hiện tình cảm rõ ràng hơn.

Trong lời nói, nếu phát ngôn được thể hiện bằng những ngữ điệu khác nhau bởi các kết hợp TTTT khác nhau thì phát ngôn đó có thể được hiểu theo những nghĩa khác nhau. Đồng thời, nghĩa của phát ngôn sẽ được hiểu khác nhau nếu đặt trong bối cảnh giao tiếp khác nhau. Dù vậy, việc phân tích nghĩa của chúng gắn với bối cảnh giao tiếp cũng khó mà chỉ ra hết được các sắc thái của TTTT được dùng; chỉ có người trong cuộc, đã quen dùng thì mới cảm nhận hết ý nghĩa sâu xa, ý nhị của chúng. Tuy nhiên, dựa trên những dấu hiệu hình thức của TTTT được dùng, cũng như trực cảm tự nhiên của người trong vùng đã quen nghe và dùng một cách tự nhiên các TTTT phương ngữ thì cũng có thấy được phần nào ý nghĩa tinh thái của từng tổ hợp tinh thái cụ thể. Chúng tôi xin phân tích, so sánh thêm một số tổ hợp TTTT được dùng trong phát ngôn của người Nam Bộ để rõ thêm điều này.

So sánh hai phát ngôn: “*gi đây gi đây, bị ăn đòn như cật bản sóng đánh đây, mèn ơi (mèn đéc ơi)!*” và “*Lần tha lần thân cái gì mà để hai cái xuống đầu đít nhau, hèn chi...!*” cùng nói về sự tình diễn ra, sự mắc lỗi làm cho người nói ngỡ ngàng, như muốn hỏi để thể hiện sự tức giận nhưng các TTTT kết hợp cuối phát ngôn lại khác nhau và hướng tác động không giống nhau, nên sắc thái nghĩa tinh thái là khác nhau. Nếu *mèn ơi* thể hiện thái độ ngạc nhiên xót xa quá sức (trong ngữ cảnh khác, có thể là niềm vui tốt độ) thì *hèn chi* lại là thể hiện thái độ trách nhẹ, bởi tìm được nguyên nhân, đã chỉ ra nguyên nhân.

TTTT *rồi sao* và *sao rồi* cùng dùng trong phát ngôn hỏi, nhưng trật tự các thành tố của chúng trong kết hợp khác nhau thì sắc thái nghĩa tinh thái khác nhau. Trong phát ngôn: *Thằng Định đổ phân lân trên liếp rồi sao?*, TTTT kết hợp này biểu thị ý nhấn mạnh về điều đã biết nhưng vẫn không ngờ lại như thế. Còn *sao rồi* trong phát ngôn *Tình hình con Sáu sao rồi?*, tuy cùng biểu thị ý ngạc nhiên trước một điều đã biết nhưng cảm thấy không yên tâm, lo lắng muốn biết cụ thể thêm.

Như đã nói, một YTTT có thể kết hợp với nhiều YTTT khác để tạo ra các tổ hợp tinh thái phức khác nhau. Do kết hợp với các YTTT khác nhau, nên sự tương tác giữa các yếu tố sẽ tạo nên các sắc thái nghĩa tinh thái khác nhau. Ví dụ: phát ngôn “*Mây thấy tao mặc bộ này đẹp hông nè?*” và phát ngôn “*Hông biết*

bài tập này có làm hông ta?”, tương tự “*Mặt trời cao trệt ót rồi mới bò dậy, đi kịp hông ta?*” đều là phát ngôn hỏi, trong các TTTT kết hợp cuối phát ngôn đều có chung yếu tố “hông”, song *hông nè* biểu thị ý hỏi nhưng mang sắc thái khẳng định nội dung, thái độ “khoe” vui vẻ, thân thiết giữa bạn bè, còn *hông ta* biểu thị ý tự hỏi bằng sự lưỡng lự về một điều gì đó không có quyết định rõ ràng. Tương tự, trong các phát ngôn có chức năng cầu khiến: “*Bơm nước cỡ sắp sắp thôi nghe!*”, “*Tụi con làm ba bài tập thôi nghe!*” và “*Ờ, tui nghĩa ba cái chậu bông (đưa tay chỉ), dậy nghe!*”, thì *thôi nghe* biểu thị ý nhấn mạnh sự hạn chế, phạm vi, mức độ của điều vừa nói đến với thái độ dứt khoát; *thôi nghe* biểu thị ý nhấn mạnh sự hạn chế, phạm vi, mức độ của điều vừa nói đến nhưng nhẹ nhàng, còn *dậy nghe* lại biểu thị ý nhấn mạnh, chốt lại vấn đề với thái độ dứt khoát đối với người nghe.

4. Kết luận

Do tổ hợp TTTT được dùng cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ có số lượng lớn nên với dung lượng một bài báo chúng tôi không thể có những miêu tả cụ thể hơn. Tuy nhiên, từ những kết quả thống kê và phân tích, miêu tả trên, chúng ta có thể thấy trong giao tiếp, người Nam Bộ vừa dùng tổ hợp TTTT toàn dân vừa dùng tổ hợp TTTT phương ngữ cuối phát ngôn với số lượng phong phú. Thói quen, mức độ, phạm vi bối cảnh sử dụng các loại TTTT có sự phân biệt khá rõ ràng. Các TTTT phương ngữ có số lượng gần gấp ba và lượt dùng gần gấp đôi các tổ hợp TTTT toàn dân; đại bộ phận loại tổ hợp TTTT này được dùng trong giao tiếp gia đình và giữa những người bạn thân thiết, còn các tổ hợp TTTT toàn dân chủ yếu được dùng giao tiếp ngoài xã hội, trong các cơ quan công sở, trường học, giữa những người là đồng nghiệp, quen biết nhau.

Việc sử dụng các tổ hợp TTTT cuối phát ngôn một cách phong phú, đa dạng, hơn nữa, các tổ hợp TTTT phương ngữ lại được dùng nhiều, điều đó đã góp phần tạo thêm sự phong phú các sắc thái nghĩa tình thái phương ngữ, bên cạnh nghĩa của nội dung mệnh đề miêu tả. Việc đó đã giúp cho người Nam Bộ có thể chuyển tải một cách chính xác, đầy đủ, cụ thể và tinh tế cảm xúc, thái độ, sự đánh giá của người nói đối với hiện thực được thông báo, tạo nên điểm nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu sắc đối với người đối thoại. Đồng thời làm cho lời nói của người Nam Bộ có sự nhấn giọng hay kéo dài giọng ở cuối phát ngôn, tạo nên âm hưởng, giọng điệu riêng, đậm “chất Nam Bộ”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đông, Nguyễn Văn Hiệp (2003), “Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 6, tr.17-26, số 7, tr.48-64.
2. Nguyễn Văn Hiệp (2001), “Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 5, tr.48-64.
3. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Trịnh Cẩm Lan (2010), “Biến thể ngữ pháp của một số tiểu từ tình thái cuối câu trong phương ngữ Nam Bộ”, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 3, tr.10-12.
6. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình ngữ dụng học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Thị Kiều Oanh (2009), “Một số tiểu từ tình thái biểu đạt tính lịch sự trong hành động ngỏ lời bằng tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 6.
8. Nguyễn Văn Thuận (2009), “Vai trò của một số phương tiện tình thái cuối câu trong phương ngữ Nam Bộ”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 1, tr.69-75.
9. Lê Xinh Tuom (2013), *Tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trong phương ngữ Nam Bộ*, luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.
10. Phạm Hùng Việt (2003), *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Semantics and usage of modal particle complex at the end of speech in Nam Bộ people's conversations

Abstract: Extract randomly 2,000 words from over 5,500 questionnaires of Nam Bộ people's conversations using "modal particles" at the end of sentences, the article presents the amount, frequencies of each combination modal particle used; analyzing and describing them to show their crucial semantic and contextual features in Nam Bộ dialect. Therefore, resulting in several specific linguistic- cultural nuance manifested by Nam Bộ people's communication.

Key words: Modal particles; modal particle; people; local; meaning.